

Số: *133* /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *11* tháng *12* năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giám sát dự án đầu tư và xử lý sau giám sát đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3591/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác giám sát dự án đầu tư và xử lý sau giám sát dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận như sau:

1. Bổ sung khoản 4, Điều 2:

“4. Ban giám sát đầu tư cộng đồng, gồm: Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn”.

2. Bổ sung Điều 5a:

“Điều 5a. Nội dung giám sát dự án đầu tư của Ban giám sát đầu tư cộng đồng

1. Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch liên quan và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

2. Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: Chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư.

3. Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

4. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6:

“Điều 6. Cách thức thực hiện giám sát dự án đầu tư

1. Theo dõi dự án đầu tư được thực hiện thông qua các cách thức sau:

a) Theo dõi thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

b) Theo dõi thông qua các báo cáo kết hợp theo dõi định kỳ hoặc đột xuất tại hiện trường.

2. Kiểm tra dự án đầu tư:

a) Kiểm tra định kỳ: Kiểm tra định kỳ được tiến hành trên cơ sở kế hoạch kiểm tra hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Kiểm tra đột xuất: Kiểm tra đột xuất được thực hiện theo từng vụ việc trên cơ sở yêu cầu quản lý và tình hình thực tế hoặc đề nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về những vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai hoạt động đầu tư hoặc trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách về đầu tư.

3. Lập, điều chỉnh và thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ:

a) Cơ quan đăng ký đầu tư xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra dự án đầu

tư gửi Thanh Tra tỉnh xem xét thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra được công bố và thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận, Cơ quan đăng ký đầu tư và gửi tới Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và địa phương.

4. Cơ quan đầu mối thực hiện giám sát có trách nhiệm:

a) Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình thông qua các báo cáo giám sát dự án đầu tư của Nhà đầu tư; nghiên cứu báo cáo kết quả tình hình thực hiện dự án đầu tư của Nhà đầu tư để phát hiện những vấn đề tồn tại, khó khăn, vướng mắc, các kiến nghị của Nhà đầu tư (nếu có). Trường hợp cần thiết, có thể đề nghị Nhà đầu tư báo cáo, cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc theo dõi hoặc tổ chức theo dõi thực tế tại hiện trường. Chủ động phối hợp các Sở ngành, địa phương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo xử lý.

b) Đối với trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư thì báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền những trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư thuộc cấp mình quản lý để xử lý theo quy định.

c) Xây dựng kế hoạch theo dõi, chuẩn bị các công cụ và hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc theo dõi dự án. Lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ dự án, kê cả các biên bản nhắc nhở, xử lý vi phạm (nếu có)

d) Cơ quan đầu mối thực hiện giám sát; các Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành rà soát, đề xuất kế hoạch kiểm tra dự án hàng năm gửi Cơ quan đăng ký đầu tư tổng hợp, xây dựng Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư theo quy định của Quy định này”.

4. Bổ sung Điều 6a:

“Điều 6a. Tổ chức đoàn kiểm tra

1. Căn cứ tổ chức đoàn kiểm tra: Căn cứ tình hình thực tế, Cơ quan có thẩm quyền có thể phối hợp với các Cơ quan liên quan để kiểm tra liên ngành hoặc kiểm tra theo chuyên ngành đối với hoạt động đầu tư. Căn cứ kế hoạch kiểm tra đã được thông qua, trường hợp trong cùng một năm có từ 02 cuộc kiểm tra chuyên ngành đối với một dự án thì thành lập đoàn kiểm tra liên ngành.

2. Thành lập đoàn kiểm tra:

a) Kiểm tra thông qua thành lập đoàn kiểm tra được ghi vào kế hoạch kiểm tra của Cơ quan hành chính nhà nước và thông báo cho Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan để bố trí thành viên tham gia đoàn kiểm tra liên ngành phù hợp, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất. Đoàn kiểm tra được thành lập trên cơ sở quyết định của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoặc Cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra.

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra đã được Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phê duyệt hoặc thực tế yêu cầu của công tác quản lý, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì dự thảo Đề cương triển khai kiểm tra và trình người đứng đầu Cơ quan có thẩm

quyền kiểm tra ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, trong đó nêu rõ tên đối tượng được kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra (trưởng đoàn, phó trưởng đoàn, các thành viên), phạm vi, hình thức, nội dung và thời gian kiểm tra, trách nhiệm của đoàn kiểm tra, của đơn vị kiểm tra và các đơn vị có liên quan.

c) Căn cứ tình hình thực tế, Trưởng đoàn kiểm tra trình người đứng đầu Cơ quan có thẩm quyền hoặc Thủ trưởng đơn vị được ủy quyền phê duyệt kế hoạch kiểm tra chi tiết, gồm:

- Mục đích, yêu cầu kiểm tra;
- Nội dung kiểm tra;
- Thời gian và địa điểm kiểm tra;
- Thành phần Đoàn kiểm tra;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra;
- Chương trình làm việc của Đoàn kiểm tra;
- Dự trù kinh phí cho Đoàn kiểm tra.

d) Trên cơ sở Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra và kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì kiểm tra có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho đối tượng được kiểm tra và các Cơ quan liên quan (nếu có) về việc kiểm tra (thời gian, địa điểm, nội dung kiểm tra; các tài liệu cần chuẩn bị để phục vụ công tác kiểm tra).

Thời gian chuẩn bị tài liệu của đối tượng kiểm tra tối thiểu là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu chuẩn bị tài liệu. Trường hợp kiểm tra đột xuất, Đoàn kiểm tra phải thông báo thời gian, nội dung kiểm tra cho Cơ quan được kiểm tra chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày kiểm tra.

Mẫu báo cáo (mẫu số 01) cần chuẩn bị để phục vụ công tác kiểm tra được ban hành kèm theo Quy định này để các đơn vị chủ trì kiểm tra tham khảo áp dụng. Tùy theo mục đích, yêu cầu của công tác kiểm tra và theo tính chất, đặc điểm, lĩnh vực, ngành nghề của dự án được kiểm tra, mẫu báo cáo gửi cho đối tượng được kiểm tra có thể được lược bớt các nội dung không phù hợp hoặc bổ sung các nội dung khác cần thiết cho việc kiểm tra.

3. Thời gian thực hiện kiểm tra, hoạt động của Đoàn kiểm tra do người ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra quyết định; tuy nhiên không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm tra.

4. Tổ chức kiểm tra:

a) Sau khi thông báo cho đơn vị được kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo kế hoạch kiểm tra chi tiết.

b) Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra; tiến hành kiểm tra, đối chiếu các thông tin, tài liệu (nếu cần); kiểm tra kết quả thực hiện để làm cơ sở cho báo cáo kết quả kiểm tra.

✓

c) Đoàn kiểm tra có trách nhiệm lập Biên bản kiểm tra. Biên bản kiểm tra được hoàn thành vào ngày kết thúc kiểm tra tại cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Biên bản này phải có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra hoặc thành viên được ủy quyền, phân công (trong trường hợp tiến hành kiểm tra nhiều vấn đề, liên ngành) và đại diện có thẩm quyền của đơn vị được kiểm tra để làm cơ sở lập Báo cáo kết quả kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra sau này.

d) Khi kết thúc kiểm tra tại nơi được kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra và kết thúc kiểm tra. Thời gian thực hiện tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn kiểm tra.

5. Báo cáo kết quả kiểm tra:

a) Trong vòng 20 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc đơn vị chủ trì kiểm tra có trách nhiệm lập báo cáo về kết quả kiểm tra.

b) Dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra phải được gửi lấy ý kiến của các Cơ quan tham gia kiểm tra (trong trường hợp kiểm tra liên ngành) hoặc của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra (trong trường hợp thành lập Đoàn kiểm tra), trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định. Cơ quan hoặc thành viên được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra. Quá thời hạn nêu trên, nếu Cơ quan chủ trì kiểm tra không nhận được ý kiến phản hồi thì được xem đồng ý với nội dung dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra.

c) Báo cáo kết quả phải thể hiện những mặt được và những tồn tại của đơn vị được kiểm tra; nguyên nhân của những tồn tại; ý kiến của các Cơ quan tham gia kiểm tra hoặc thành viên đoàn kiểm tra; kiến nghị của cơ quan, đơn vị được kiểm tra; kết luận xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền việc xử lý, khắc phục những sai trái, yếu kém trong thực hiện.

d) Báo cáo kết quả kiểm tra sẽ được công bố tại cuộc họp với các thành phần bao gồm: Người ra quyết định kiểm tra, Đoàn kiểm tra, đối tượng được kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan”.

5. Sửa đổi Điều 7:

“Điều 7. Chế độ, thời hạn báo cáo giám sát dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo giám sát dự án đầu tư và gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư; Cơ quan đầu mối thực hiện công tác giám sát dự án đầu tư theo quy định này:

a) Báo cáo giám sát định kỳ: 6 tháng và cả năm (mẫu số 02 áp dụng đối với dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư; mẫu số 03 áp dụng đối với dự án trong giai đoạn khai thác, vận hành).

b) Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo.

- Báo cáo năm: Trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

c) Ngoài thực hiện báo cáo giám sát dự án đầu tư nêu trên, hàng tháng Nhà đầu tư báo cáo Cơ quan đăng ký đầu tư và Cơ quan thống kê trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận về tình hình thực hiện dự án đầu tư (gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước) theo quy định tại Điều 71 Luật đầu tư. Báo cáo thực hiện bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ban giám sát đầu tư cộng đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo giám sát đối với lĩnh vực phân công như sau:

- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo.
- Báo cáo năm: Trước ngày 15 tháng 02 năm sau.
- Ban giám sát đầu tư cộng đồng báo cáo theo mẫu số 04.

3. Ban giám sát đầu tư cộng đồng:

a) Định kỳ trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, Ban giám sát đầu tư cộng đồng báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về tình hình thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng đối với dự án trên địa bàn. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về dự án trong quá trình giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban giám sát đầu tư cộng đồng tổng hợp trình Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để gửi kiến nghị tới các Cơ quan liên quan.

b) Định kỳ trước ngày 10 tháng 2 năm sau, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã gửi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp tỉnh.

c) Định kỳ trước ngày 10 tháng 2 năm sau, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổng hợp, lập báo cáo kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Cơ quan đăng ký đầu tư gửi Ủy ban nhân dân tỉnh các loại báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 20 tháng 7 của năm báo cáo (mẫu số 05).
- Báo cáo năm: Trước ngày 20 tháng 02 năm sau (mẫu số 05).

5. Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo giám sát dự án đầu tư được thực hiện dưới hai hình thức: Bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu báo cáo (gửi kèm thư điện tử qua E-mail: Sở Kế hoạch và Đầu tư (sokhdt@ninhthuan.gov.vn), Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh (bqlkcn.nt@gmail.com)).

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8:

“Điều 8. Chi phí và nguồn vốn thực hiện giám sát dự án đầu tư

1. Hàng năm, Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát dự án đầu tư quy định tại Quy định này lập kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp cho nhiệm vụ giám sát dự án đầu tư. Dự toán chi cho nhiệm vụ giám sát dự án đầu tư được lập trên cơ sở kế hoạch giám sát dự án đầu tư, nội dung chi và định mức chi theo Nghị định

số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Việc lập dự toán chi phí giám sát dự án đầu tư, quản lý và sử dụng chi phí giám sát dự án đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

a) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ này.

b) Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, do ngân sách cấp xã đảm bảo”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9:

“Điều 9. Xử lý sau giám sát

1. Giãn tiến độ đầu tư:

a) Các trường hợp chậm tiến độ được xem xét giãn tiến độ đầu tư:

- Dự án chậm tiến độ nhưng do nguyên nhân khách quan trong thực hiện các thủ tục đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các nguyên nhân khách quan khác như thiên tai, hỏa hoạn...;

- Dự án đã triển khai thi công xây dựng nhưng chậm tiến độ hoàn thành đưa vào hoạt động do nguyên nhân chủ quan từ chủ đầu tư.

b) Hồ sơ đề nghị giãn tiến độ đầu tư:

- Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (mẫu số 06);

- Văn bản báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

- Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

- Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ hoàn tất thủ tục pháp lý để đủ điều kiện khởi công xây dựng (thời gian hoàn thành thủ tục đất đai, xây dựng,..., thời gian khởi công dự án); tiến độ xây dựng cơ bản (chi tiết thời gian hoàn thành các hạng mục công trình, thời gian hoàn thành xây dựng và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động);

- Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã nêu trên. Nếu vi phạm tiến độ thực hiện dự án theo từng thời điểm cụ thể đã cam kết mà không có lý do chính đáng được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, Nhà đầu tư chấp thuận việc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định của Luật đầu tư. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm các nội dung liên quan đến dự án.

c) Trình tự, xử lý giãn tiến độ đầu tư:

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, kết

quả giám sát dự án đầu tư của Cơ quan đăng ký đầu tư, hồ sơ đề nghị giãn tiến độ của Nhà đầu tư; Cơ quan đăng ký đầu tư chủ trì, phối hợp với Cơ quan đầu mối tổ chức kiểm tra, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của nhà đầu tư, trách nhiệm của các Cơ quan liên quan (nếu có), lập biên bản xác nhận vi phạm, xử phạt hành chính (nếu có) theo quy định; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho chủ trương, làm cơ sở để Cơ quan đăng ký đầu tư có ý kiến giãn tiến độ đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật đầu tư.

2. Các trường hợp vi phạm thuộc diện xử lý chấm dứt hoạt động dự án:

a) Nhà đầu tư không thực hiện đúng các nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm và không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Luật đầu tư.

b) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với Nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư.

c) Sau 12 tháng mà Nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng và quy định pháp luật có liên quan được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng phải xử lý chấm dứt hoạt động dự án, các Sở ngành và địa phương thông báo cho Cơ quan đăng ký đầu tư để xử lý theo quy định.

4. Nhà đầu tư vi phạm các quy định về hoạt động đầu tư sẽ bị xem xét xử lý hành vi vi phạm hành chính theo Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10:

“Điều 10. Trình tự, xử lý vi phạm tiến độ, chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 48 Luật đầu tư; Điều 42 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

Trên cơ sở kết quả giám sát dự án đầu tư theo Quy định này, văn bản cho phép giãn tiến độ đầu tư (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư tiếp tục vi phạm tiến độ theo tiến độ đã cam kết, Cơ quan đăng ký đầu tư tiến hành thanh tra, kiểm tra toàn diện tình hình thực hiện dự án, xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký đầu tư củng cố hồ sơ, tổ chức họp tư vấn Tổ

công tác hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về xử lý các dự án đầu tư chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để thống nhất đề xuất xử lý chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó nêu rõ vi phạm và cơ sở pháp lý xử lý theo đúng quy định; đồng thời lấy ý kiến thống nhất của các Sở, ngành, địa phương liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương xử lý đối với từng dự án cụ thể. Đối với trường hợp phức tạp, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến cấp thẩm quyền trước khi xem xét quyết định, đảm bảo tính chặt chẽ.

2. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp ngừng hoạt động và Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư:

Trường hợp dự án đầu tư ngừng hoạt động và Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện các thủ tục sau:

a) Lập biên bản về việc dự án đầu tư ngừng hoạt động và không liên lạc được với nhà đầu tư;

b) Gửi văn bản yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Cơ quan đăng ký đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đến địa chỉ mà nhà đầu tư đăng ký với Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản mà nhà đầu tư không liên lạc, Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp tục gửi văn bản đề nghị hỗ trợ liên lạc với nhà đầu tư đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhà đầu tư cư trú (đối với nhà đầu tư trong nước là cá nhân), Cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà nhà đầu tư mang quốc tịch (đối với nhà đầu tư nước ngoài); đồng thời đăng tải thông báo yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Cơ quan đăng ký đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong thời hạn 90 ngày trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư và Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

c) Sau khi thực hiện các thủ tục quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày dự án đầu tư ngừng hoạt động mà không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

3. Việc quản lý tài sản của dự án đầu tư, xử lý tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan đến dự án sau khi Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động dự án được thực hiện theo quy định của Luật đầu tư; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; quy định của pháp luật dân sự về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú và quy định pháp luật hiện hành”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11:

“Điều 11. Hồ sơ hủy chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án

1. Báo cáo của Cơ quan đăng ký đầu tư về đề nghị hủy chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án đính kèm: Bản sao biên bản cuộc họp tư vấn của Tổ công tác hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về xử lý các dự án đầu tư chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; ý kiến bằng văn bản của các Sở ngành, địa phương liên quan về việc hủy chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án đầu

tu; bản sao quyết định chủ trương đầu tư, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có); báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư (nếu có).

2. Các văn bản liên quan đến quá trình triển khai dự án:

a) Văn bản cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án và hình thức xử lý cụ thể nếu tiếp tục vi phạm tiến độ dự án;

b) Biên bản kiểm tra tình hình triển khai dự án;

c) Quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (nếu có), thông báo vi phạm tiến độ sử dụng đất và kết quả xử lý vi phạm hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án đã được giao đất, cho thuê đất (nếu có);

d) Văn bản giãn tiến độ đầu tư đối với dự án (nếu có);

đ) Kết luận của Thanh tra chuyên ngành hoặc Đoàn thanh, kiểm tra liên ngành (nếu có);

e) Các văn bản khác có liên quan đến quá trình xử lý dự án.

3. Căn cứ hồ sơ đề nghị hủy chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hủy chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19:

“Điều 19. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Các Sở, ban, ngành:

a) Tăng cường công tác tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ giám sát các dự án đầu tư và xử lý sau giám sát đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.

b) Phối hợp với Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện công tác theo dõi tình hình triển khai dự án đã được Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành; qua theo dõi kịp thời phát hiện, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Có chính kiến cụ thể về tiến độ thực hiện dự án, nguyên nhân chậm tiến độ, năng lực của nhà đầu tư, các vấn đề liên quan đến tình hình triển khai dự án, đề xuất hướng xử lý theo đề nghị của Cơ quan đăng ký đầu tư.

d) Chủ động hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục liên quan đến việc triển khai thực hiện của các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ngành quản lý; kịp thời xử lý theo thẩm quyền những khó khăn vướng mắc, hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền.

đ) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 5, Điều 1 của Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện của các dự án đầu tư trên địa bàn mình quản lý; qua theo dõi kịp thời phát hiện, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) có biện pháp giải quyết đối với các dự án gặp khó khăn, vướng mắc; hoặc xử lý theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm nội dung quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt trên địa bàn.

c) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 5, Điều 1 của Quyết định này.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thành lập Ban giám sát đầu tư cộng đồng để tổ chức thực hiện giám sát đầu tư theo quy định tại Quy định này”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo Quy định công tác giám sát dự án đầu tư và xử lý sau giám sát dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- VPUB: LĐ, NC-TH, TT TH-CB;
- Lưu: VT.NĐT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

.....

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ, DỰ ÁN

- Tên tổ chức kinh tế:.....
- Trụ sở chính:
- Điện thoại liên hệ

Ghi theo Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có):

Tên dự án; Địa điểm thực hiện; Diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô; Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn; tiến độ thực hiện của dự án; thời hạn hoạt động của dự án, Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có); Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án (Ghi cụ thể về tiến độ đã thực hiện từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến thời điểm báo cáo):

- Tiến độ chuẩn bị dự án:..... Đánh giá kết quả thực hiện và giải trình rõ nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có).
- Tiến độ giải phóng mặt bằng (nếu có):....., khó khăn vướng mắc (nếu có). Đánh giá kết quả thực hiện và giải trình rõ nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có).
- Tiến độ xây dựng cơ bản: Đánh giá kết quả thực hiện và giải trình rõ nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có).
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử (nếu có): Đánh giá kết quả thực hiện và giải trình rõ nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có).
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có):..... Đánh giá kết quả thực hiện và giải trình rõ nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có).
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Đánh giá kết quả thực hiện và giải trình rõ nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có).
- * Tiến độ thực hiện dự án theo cam kết của chủ đầu tư (nếu có)..... Đánh giá kết quả thực hiện và giải trình rõ nguyên nhân chậm tiến độ theo cam kết (nếu có).

2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (nếu có):

a) Tiến độ góp vốn:

		CNĐT	thời điểm báo cáo	từ
1	Vốn đầu tư			
2	Vốn điều lệ			
3	Vốn pháp định			

b) Nguồn vốn:

STT	Nguồn vốn	vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo	Vốn vay; ngày góp, số chứng từ
1	Vốn chủ sở hữu		
2	Vốn vay các tổ chức tín dụng		
3	Mua máy móc, thiết bị, nguyên liệu trả chậm		
4	Nguồn vốn huy động khác		
	Cộng		

3. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước:

	ĐVT	(quý, 6 tháng, năm)	Ước cả năm	Ghi chú
1. Sản phẩm sản xuất:				
2. Tổng doanh thu:	(Triệu đồng)			
<i>Trong đó xuất khẩu:</i>	-nt			
3. Lợi nhuận/lỗ				
3. Nộp ngân sách:	(Triệu đồng)			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế VAT				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Tiền thuê đất				
- Thuế tài nguyên				
Tổng				

5. Lao động (người):

Lao động	Tổng số	Người VN	Người nước ngoài

Lao động	Tổng số	Người VN	Người nước ngoài		
			Số lượng	Quốc tịch	Có Giấy phép lao động
- Lao động phổ thông					
- Lao động kỹ thuật					
- Cán bộ điều hành <i>là người nước ngoài:</i>					
Tổng số					

6. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

7. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

(6 tháng/năm....)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi theo Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Tên dự án; Địa điểm thực hiện; Diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô; Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn; Thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án; Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có); Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án:

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng (nếu có):
- Tiến độ xây dựng cơ bản (nếu có):
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có):
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ:
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu đầu tư:

2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (nếu có):

a) Tiến độ góp vốn:

STT	Loại vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn điều lệ		
3	Vốn pháp định		

b) Nguồn vốn:

STT	Nguồn vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn chủ sở hữu		
2	Vốn vay các tổ chức tín dụng		
3	Mua máy móc, thiết bị, nguyên liệu trả chậm		
4	Nguồn vốn huy động khác		
	Cộng		

3. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước:

	ĐVT	(quý, 6 tháng, năm)	Ước cả năm	Ghi chú
1. Sản phẩm sản xuất:				
2. Tổng doanh thu:	(Triệu đồng)			
<i>Trong đó xuất khẩu:</i>	-nt			
3. Lợi nhuận/lỗ				
3. Nộp ngân sách:	(Triệu đồng)			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế VAT				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Tiền thuê đất				
- Thuế tài nguyên				
Tổng				

5. Lao động (người):

Lao động	Tổng số	Người VN	Người nước ngoài		
			Số lượng	Quốc tịch	Có Giấy phép lao động
- Lao động phổ thông					
- Lao động kỹ thuật					
- Cán bộ điều hành					
<i>là người nước ngoài:</i>					
Tổng số					

6. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

7. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khai thác, vận hành

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN: Ghi theo Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Tên dự án; Địa điểm thực hiện; Diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô; Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn; Thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện dự án; Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có); Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu, trừ mục tiêu kinh doanh):

- Những mục tiêu về xây dựng dự án, tạo lập dự án, doanh nghiệp;
- Những mục tiêu về quy mô;
- Những mục tiêu khác.

2. Đánh giá kết quả huy động các nguồn lực (đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu):

- Nguồn lực tài chính (vốn chủ sở hữu, vốn vay và huy động khác, mua, thuê máy móc thiết bị trả chậm);
- Nguồn nguyên liệu;
- Đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác;
- Nguồn lực lao động, chất xám, công nghệ;
- Các nguồn lực về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, như: điện, nước, giao thông...
- Các nguồn lực khác.

3. Đánh giá tiến độ thực hiện (đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu. Đặc biệt những vướng mắc về chế độ, chính sách, thủ tục hành chính...; sự phối hợp giữa nhà đầu tư và các cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.):

- Tiến độ chuẩn bị dự án;
- Tiến độ giải phóng mặt bằng;
- Tiến độ xây dựng;
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử;
- Tiến độ huy động vốn.

4. Đánh giá về lợi ích của dự án (nêu những lợi ích do dự án mang lại trong quá trình thực hiện, dự tính những lợi ích dự án sẽ mang lại trong quá trình hoạt động kinh doanh).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)/.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Báo cáo tình hình giám sát đầu tư của cộng đồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã/huyện/tỉnh.

Kính gửi:.....

Số TT	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch liên quan khác; kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã	Theo dõi, kiểm tra chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất; sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích cộng đồng; tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Kiểm tra sự công khai minh bạch trong quá trình đầu tư dự án
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

• **Kiến nghị:**

Ban giám sát cộng đồng

Mẫu số 05 . Báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư của Cơ quan đăng ký đầu tư

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGS- ...
V/v báo cáo giám sát, đánh
giá dự án đầu tư

..... ngày tháng.... năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. Tổng thể về tình hình thu hút đầu tư và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

- Kết quả thu hút đầu tư trong 6 tháng hoặc cả năm (đánh giá rõ số dự án đi vào hoạt động, số dự án đang triển khai thi công xây dựng; số dự án đang hoàn tất thủ tục đầu tư); lũy kế đến thời điểm báo cáo (đính kèm phụ lục theo biểu mẫu tình hình thực hiện giám sát đầu tư).

- Về tiến độ thực hiện dự án: Tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất các dự án đầu tư; cấp phép xây dựng; môi trường. Trong đó làm rõ các dự án chậm tiến độ (nguyên nhân khách quan, chủ quan, đề xuất xử lý); đính kèm phụ lục danh mục dự án cụ thể.

- Việc thực hiện các yêu cầu về xây dựng, bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản.

II. Tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Nhà đầu tư, Cơ quan quản lý Nhà nước, Ban giám sát đầu tư cộng đồng.

2. Tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra dự án đầu tư của các Sở ngành liên quan.

3. Tổng hợp việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của nhà đầu tư, tổ chức kinh tế.

III. Nhận xét đánh giá và kiến nghị:

- Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

- Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 06. Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIẢN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nếu thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nếu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:.....

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ (ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động; tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư...)

2. Thời gian giãn tiến độ:

3. Giải trình lý do giãn tiến độ:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)